

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thông;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Th, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng).

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Phước S, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng).

Hai đương sự cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tô Thị Th trình bày yêu cầu:

Bà Th và ông Đỗ Phước S chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Nguyên nhân xin ly hôn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, ông S có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, hôn nhân không thể duy trì bền lâu nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con tên Đỗ Văn V, sinh năm 1991 (nam); Đỗ Thị Bảo Tr, sinh năm 1993 (nữ). Khi ly hôn các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Phước S trình bày ý kiến:

Ông S và bà Th chung sống với nhau năm 1990, có tổ chức đám cưới, đến nay chưa đăng ký kết hôn, vì chưa am hiểu pháp luật. Ông bà không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hôn nhân không hàn gắn được, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con chung: Có 02 người con tên Đỗ Văn V, sinh năm 1991 (nam); Đỗ Thị Bảo Tr, sinh năm 1993 (nữ). Khi ly hôn các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Tô Thị Th, bị đơn ông Đỗ Phước S có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Th, ông Đỗ Phước S chung sống với nhau vào năm 1990, hai đương sự xác nhận đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc. Gia đình có hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, bà Th yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý. Tòa án tổ chức hòa giải, bà Th không đồng ý rút đơn, vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý ly hôn.

Thấy rằng, bà Th và ông S chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Th và ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 02 người con tên Đỗ Văn V, sinh năm 1991 (nam); Đỗ Thị Bảo Tr, sinh năm 1993 (nữ). Khi ly hôn các con ông bà đã trưởng thành, ông bà không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Th phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Thị Th và ông Đỗ Phước S.

- Về con chung, tài sản và công nợ: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Th phải chịu, bà Th có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0007249 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí bà Th đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKS ND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính